

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 01 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh.

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Cẩm H, sinh năm 1979.

- Bị đơn: Anh Hồ Thanh N, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ cư trú: Số X, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Đỗ Thị Cẩm H có mặt tại phiên tòa, anh Hồ Thanh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị H và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường

xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh N không chăm lo cho gia đình và nuôi con, chị H đã nhiều lần khuyên nhưng anh N không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay chị Đỗ Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh N.

Về con chung: Chị H và anh N có 03 con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/2000, cháu Hồ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Hồ Thị Lan A, sinh ngày 20/01/2007. Hiện nay, Hồ Thị Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Hồ Thị Linh Đ và cháu Hồ Thị Lan A đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hồ Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N thống nhất, anh N và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh N, chị H không còn chung sống từ đầu năm 2021 đến nay. Khoảng thời gian ly thân, anh N và chị H có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay anh Hồ Thanh N thống nhất ly hôn với chị Đỗ Thị Cẩm H.

Về con chung: Anh N và chị H có 03 con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/2000, Hồ Thị Lan A, sinh ngày 20/01/2007 và Hồ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/2012. Hiện nay, Hồ Thị Ngọc H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Hồ Thị Lan A và cháu Hồ Thị Linh Đ đang sống chung với chị H. Anh N thống nhất giao cháu Lan A và cháu Linh Đ cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, không thống nhất cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Cẩm H và anh Hồ Thanh N. Về con chung: Con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 2000, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung tên Hồ Thị Lan A, sinh ngày 20/01/2007 và Hồ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/2012 cho chị Đỗ Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không

yêu cầu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 05/11/2021; Giấy khai sinh của Hồ Thị Ngọc H, Hồ Thị Linh Đ, Hồ Thị Lan A; Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình của chị Đỗ Thị Cẩm H; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện, văn bản ý kiến, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/12/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Hồ Thanh N cư trú tại Số X, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Cẩm H yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh N.

Xét thấy, chị H và anh N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Trong quá trình chung sống chị H và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị H và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa

chị H và anh N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 2000, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Hồ Thị Lan A, sinh ngày 20/01/2007 và Hồ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/2012 hiện đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lan A và cháu Linh Đ, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, kể từ khi ly thân chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lan A và cháu Linh Đ. Mặt khác, chị H hiện nay có việc làm ổn định có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo 02 bản khai ngày 03/12/2021 cháu Lan A và cháu Linh Đ đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, giao con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh N xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm H.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Cẩm H và anh Hồ Thanh N.

- Về con chung: Con chung tên Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 2000, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng

xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Hồ Thị Lan A, sinh ngày 20/01/2007 và Hồ Thị Linh Đ, sinh ngày 10/5/2012 cho chị Đỗ Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị H và anh N tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo Biên lai số 0001270 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Đỗ Thị Cẩm H được nhận lại số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Hồ Thanh N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung